

Nội dung bài viết

1. [Giải VBT Địa Lý lớp 8 Bài 15: Đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á](#)

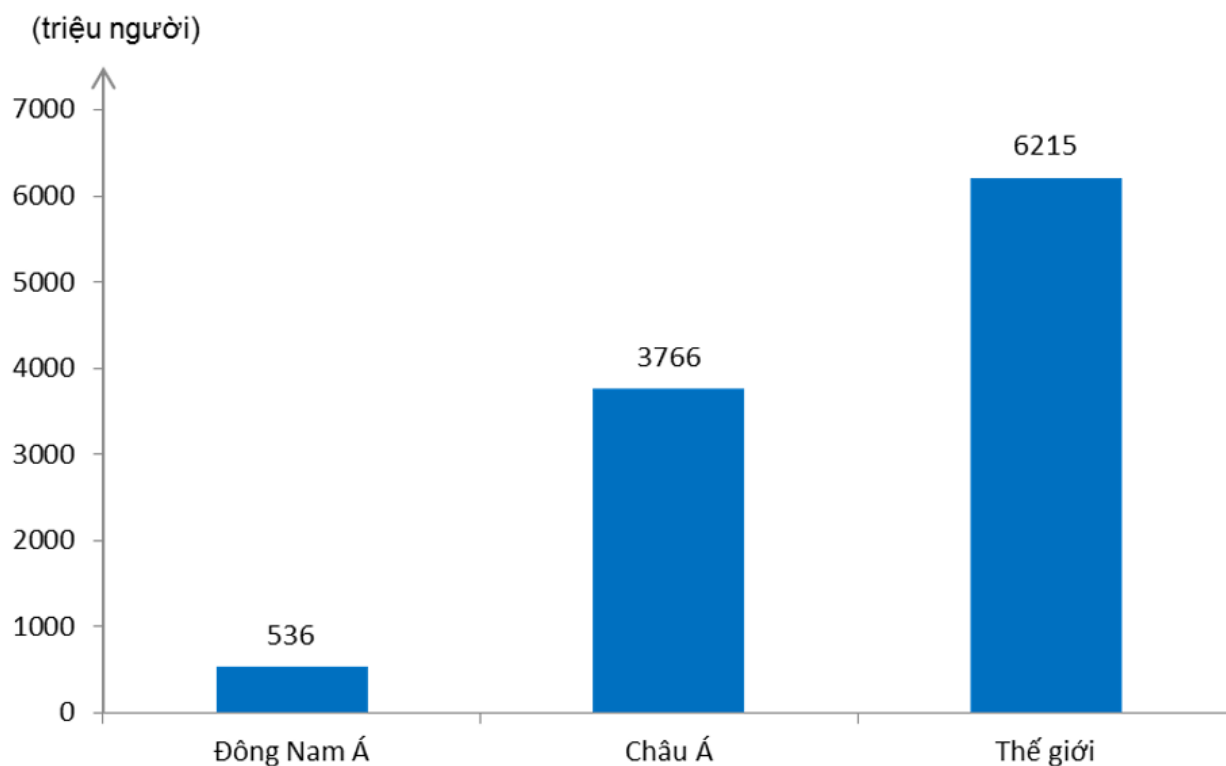
Giải VBT Địa Lý lớp 8 Bài 15: Đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á

Bài 1 trang 31 VBT Địa Lí 8: Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện dân số của Đông Nam Á, châu Á và thế giới theo bảng số liệu sau:

| Lãnh thổ | Số dân năm 2002 (triệu người) |
|------------|-------------------------------|
| Đông Nam Á | 536 |
| Châu Á | 3766 |
| Thế giới | 6215 |

Lời giải:

Biểu đồ thể hiện dân số của Đông Nam Á, châu Á và thế giới năm 2002.



Bài 2 trang 32 VBT Địa Lí 8:

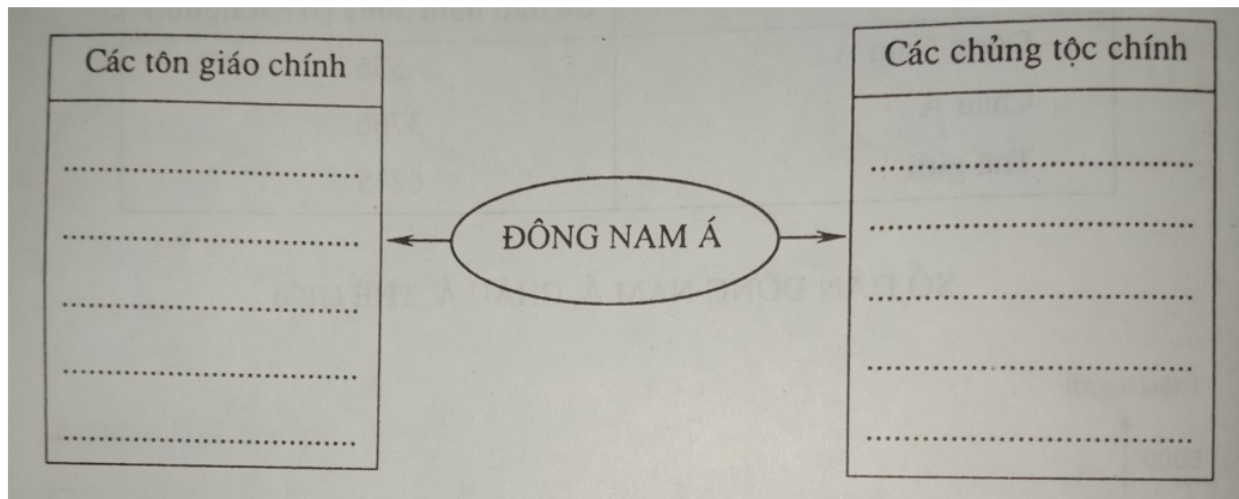
Điền vào bảng sau tên nước và tên thủ đô của các nước ở Đông Nam Á:

Lời giải:

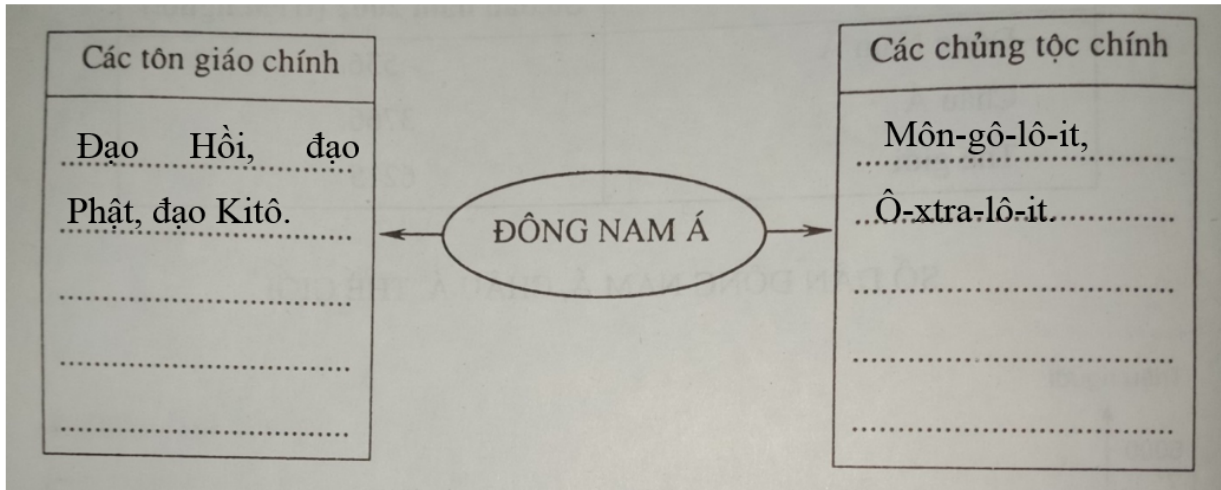
| Tên nước | Thủ đô | Tên nước | Thủ đô |
|-------------|---------------|---------------|------------------------|
| Việt Nam | Hà Nội | In-đô-nê-xi-a | Gia-các-ta |
| Lào | Viên Chăn | Xin-ga-po | Xin-ga-po |
| Cam-pu-chia | Phnom-pênh | Bru-nây | Ban-đa Xê-ri Bê-ga-oan |
| Thái lan | Băng Cốc | Phi-lip-pin | Ma-ni-la |
| Mi-an-ma | Y-an-gun | Đông-ti-mo | Đi-li |
| Ma-lai-xi-a | Cua-la-lum-pơ | | |

Bài 3 trang 32 VBT Địa Lí 8:

Điền vào ô trống của sơ đồ sau những nội dung cần thiết:



Lời giải:



Bài 4 trang 32 VBT Địa Lí 8:

Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm chung của hầu hết các nước Đông Nam Á?

Lời giải:

(Đánh dấu X vào ô trống có nội dung phù hợp)

| | |
|-------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> | a) Dân số tăng khá nhanh |
| <input type="checkbox"/> | b) Sau chiến tranh thế giới thứ hai lần lượt giành độc lập |
| <input type="checkbox"/> | c) Trồng lúa nước. Gạo là ngu ần lương thực chính |
| <input checked="" type="checkbox"/> | d) Dân cư trong nước có cùng ngôn ngữ |